

Số: 1503/QĐ-UBND

Đông Hưng, ngày 03 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán thu, chi ngân sách năm 2025
của Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng tỉnh Hưng Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG HƯNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dữ liệu quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ; số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Thái Bình về việc giao điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Đông Hưng phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng kinh tế xã.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng tỉnh Hưng Yên.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

*** Hình thức công khai:**

- Niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày niêm yết.
- Thông báo trên hệ thống đài truyền thanh xã.

- Công bố tại các hội nghị của xã.
- Thông báo bằng văn bản cho Đảng ủy, các tổ chức chính trị - xã hội của xã và các Trưởng thôn trên địa bàn xã.

* Thời gian công khai :

Thời gian công khai bắt đầu từ ngày 31/03/2026 đến ngày 08/5/2026.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh văn phòng HĐND-UBND xã, Trưởng phòng kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

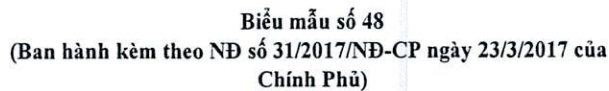
- Như điều 3;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu VT, KT;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Báu



(Kèm theo quyết định số 1503/QĐ - UBND ngày 03/4/2026 của UBND xã Đông Hưng)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối
					(%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	230.094.000.000,0	407.094.332.287	177.000.332.287,0	176,9%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	33.228.000.000,0	47.303.298.819	14.075.298.819,0	142,4%
-	Thu NSDP hưởng 100%	18.713.000.000,0	28.561.232.336	9.848.232.336,0	152,6%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	14.515.000.000,0	18.742.066.483	4.227.066.483,0	129,1%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	196.866.000.000,0	314.404.183.387	117.538.183.387,0	159,7%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	190.511.000.000,0	190.511.000.000	0,0	100,0%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	6.355.000.000,0	123.893.183.387	117.538.183.387,0	1949,5%
III	Thu kết dư		5.332.281.799	5.332.281.799,0	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		40.054.568.282	40.054.568.282,0	
B	TỔNG CHI NSDP	230.094.000.000,0	402.343.512.212	172.249.512.212,0	174,9%
I	Tổng chi cân đối NSDP	230.094.000.000,0	353.288.418.306	123.194.418.306,0	153,5%
1	Chi đầu tư phát triển	19.860.000.000,0	94.061.532.500	74.201.532.500,0	473,6%
2	Chi thường xuyên	208.378.000.000,0	259.226.885.806	50.848.885.806,0	124,4%
3	Dự phòng ngân sách	1.856.000.000,0		-1.856.000.000,0	
II	Chi các chương trình mục tiêu		3.436.388.000	3.436.388.000,0	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		3.436.388.000	3.436.388.000,0	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		0		
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau		39.541.328.206	39.541.328.206,0	
V	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		6.077.377.700	6.077.377.700,0	

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo quyết định số 1503/QĐ - UBND ngày 03/4/2026 của UBND xã Đông Hưng)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối
					(%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	230.094.000.000,0	407.094.332.287	177.000.332.287,0	176,9%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	33.228.000.000,0	47.303.298.819	14.075.298.819,0	142,4%
-	Thu NSDP hưởng 100%	18.713.000.000,0	28.561.232.336	9.848.232.336,0	152,6%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	14.515.000.000,0	18.742.066.483	4.227.066.483,0	129,1%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	196.866.000.000,0	314.404.183.387	117.538.183.387,0	159,7%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	190.511.000.000,0	190.511.000.000	0,0	100,0%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	6.355.000.000,0	123.893.183.387	117.538.183.387,0	1949,5%
III	Thu kết dư		5.332.281.799	5.332.281.799,0	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		40.054.568.282	40.054.568.282,0	
B	TỔNG CHI NSDP	230.094.000.000,0	402.343.512.212	172.249.512.212,0	174,9%
I	Tổng chi cân đối NSDP	230.094.000.000,0	353.288.418.306	123.194.418.306,0	153,5%
1	Chi đầu tư phát triển	19.860.000.000,0	94.061.532.500	74.201.532.500,0	473,6%
2	Chi thường xuyên	208.378.000.000,0	259.226.885.806	50.848.885.806,0	124,4%
3	Dự phòng ngân sách	1.856.000.000,0		-1.856.000.000,0	
II	Chi các chương trình mục tiêu		3.436.388.000	3.436.388.000,0	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		3.436.388.000	3.436.388.000,0	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		0		
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau		39.541.328.206	39.541.328.206,0	
V	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		6.077.377.700	6.077.377.700,0	



BÁO CÁO QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo quyết định số 1503/QĐ - UBND ngày 03/4/2026 của UBND xã Đông Hưng)

Đơn vị: đồng

S T T	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)	33.228.000.000	33.228.000.000	199.047.995.983	92.690.148.900	0	278,95%
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	33.228.000.000	33.228.000.000	153.661.145.902	47.303.298.819		142,36%
I	Thu nội địa	32.808.000.000	32.808.000.000	145.323.291.902	38.965.444.819		118,77%
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý			1.028.295.400			
	Thuế giá trị gia tăng			569.589.138			
	Thuế thu nhập doanh nghiệp			458.706.262			
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý			488.686.806			
	Thuế giá trị gia tăng			105.323.512			
	Thuế thu nhập doanh nghiệp			325.856.894			
	Thuế tài nguyên			57.506.400			
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			467.774.405			
	Thuế giá trị gia tăng			295.257.472			
	Thuế thu nhập doanh nghiệp			172.516.933			
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	11.729.000.000	11.729.000.000	91.116.795.336	13.406.231.638		114,30%
	Thuế giá trị gia tăng			61.214.626.745	9.383.529.611		
	Thuế thu nhập doanh nghiệp			29.861.133.941	4.022.702.027		
	Thuế tài nguyên			41.034.650			
5	Thuế thu nhập cá nhân	2.786.000.000	2.786.000.000	9.947.425.788	5.335.834.845		191,52%
6	Lệ phí trước bạ	849.000.000	849.000.000	7.539.553.262	1.567.979.950		184,69%
7	Thu phí, lệ phí	156.000.000	156.000.000	419.134.294	269.344.294		172,66%
-	Phí và lệ phí trung ương			65.150.000			
-	Phí và lệ phí tỉnh			8.640.000			
-	Phí và lệ phí huyện			60.800.000	8.800.000		
-	Phí và lệ phí xã, phường			284.544.294	260.544.294		
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.222.000.000	1.222.000.000	1.332.549.509	1.332.549.509		109,05%
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	212.000.000	212.000.000	3.713.228.859	760.890.374		358,91%
11	Thu tiền sử dụng đất	15.400.000.000	15.400.000.000	27.640.105.300	15.591.367.560		101,24%
12	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	0		12.214.000			
13	Thu khác ngân sách	284.000.000	284.000.000	1.540.503.945	624.221.651		219,80%
14	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	170.000.000	170.000.000	77.024.998	77.024.998		45,31%
II	Các khoản huy động, đóng góp	420.000.000	420.000.000	8.337.854.000	8.337.854.000		1985,20%
C	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC			5.332.281.799	5.332.281.799		
D	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG			40.054.568.282	40.054.568.282		

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo quyết định số 1503/QĐ - UBND ngày 03/4/2026 của UBND xã Đông Hưng)

STT	Nội dung (I)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	230.094.000.000	402.343.512.212	174,9%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	230.094.000.000	353.288.418.306	153,5%
I	Chi đầu tư phát triển	19.860.000.000	94.061.532.500	473,6%
1	Chi đầu tư cho các dự án	19.860.000.000	91.361.532.500	460,0%
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.088.000.000	12.879.551.100	616,8%
-	Chi khoa học và công nghệ			
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	13.860.000.000	9.473.279.000	68,3%
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	208.378.000.000	259.226.885.806	124,4%
1	Chi quy hoạch, kiểm kê, đo đạc đất đai	1.540.000.000	555.708.000	36,1%
2	Chi bảo vệ môi trường	2.346.000.000	3.103.497.895	132,3%
3	Chi sự nghiệp kinh tế	10.621.334.000	8.479.576.502	79,8%
4	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	116.940.201.000	124.817.746.043	106,7%
5	Chi khoa học và công nghệ			
6	Chi sự nghiệp y tế, dân số và KHHGĐ	9.960.931.000	8.917.288.350	89,5%
7	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin, thể thao	2.819.300.000	7.856.041.500	278,7%
8	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	2.695.777.000	1.648.236.077	61,1%
9	Chi đảm bảo xã hội	26.727.910.000	38.527.118.300	144,1%
10	Chi quản lý hành chính	32.201.095.000	62.036.736.539	192,7%
11	Chi quốc phòng	1.230.904.000	1.709.391.400	138,9%
12	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	1.294.548.000	1.545.545.200	119,4%
13	Chi khác		30.000.000	
III	Dự phòng ngân sách	1.856.000.000		
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU		3.436.388.000	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		3.436.388.000	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)		0	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		0	
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)		0	
C	CHI NỘP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		6.077.377.700	
D	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		39.541.328.206	



Biểu mẫu số 54
ND số 31/2017/ND-CP
Ngày 23/03/2017 của Chính Phủ

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo quyết định số 1503/QĐ - UBND ngày 03/4/2026 của UBND xã Đông Hưng)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Tên đơn vị	Dự toán				Quyết toán				So sánh (%)						
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi chương trình MTQG		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi chương trình MTQG		Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả NS cấp trên	Chi chương trình MTQG		
					Tổng số	Chi đầu tư phát triển				Tổng số	Chi đầu tư phát triển				Tổng số	Chi đầu tư phát triển
	TỔNG SỐ	230.094	19.860	210.234		402.344	94.062	259.227	3.436	3.397	39	6.077	39.541	174,9%	473,6%	123,3%
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	228.238	19.860	208.378		356.725	94.062	259.227	3.436	3.397	39	0	0	156,3%	473,6%	124,4%
1	Văn phòng HĐND-UBND xã	69.231		69.231		107.714		107.675	39		39			155,6%		155,5%
2	Văn phòng Đảng uỷ xã	6.255		6.255		8.001		8.001						127,9%		127,9%
3	Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	5.647		5.647		7.335		7.335						129,9%		129,9%
4	Trung tâm chính trị xã	1.355		1.355		1.670		1.670						123,2%		123,2%
5	Trung tâm Văn hoá-Thể thao xã	8.306		8.306		8.242		8.242						99,2%		99,2%
6	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã	19.860	19.860			96.959	93.562		3.397	3.397				488,2%	471,1%	
7	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	0				500	500									
8	Trường mầm non Nguyễn xá	4.197		4.197		4.302		4.302						102,5%		102,5%
9	Trường mầm non Đông sơn	5.925		5.925		6.108		6.108						103,1%		103,1%
10	Trường mầm non Đông la	5.941		5.941		6.883		6.883						115,9%		115,9%
11	Trường mầm non Đông các	4.096		4.096		4.239		4.239						103,5%		103,5%
12	Trường mầm non Đông hợp	4.036		4.036		4.205		4.205						104,2%		104,2%
13	Trường mầm non Liên cơ	3.935		3.935		4.751		4.751						120,7%		120,7%
14	Trường tiểu học Đông sơn	7.484		7.484		7.886		7.886						105,4%		105,4%
15	Trường tiểu học Đông la	10.188		10.188		11.250		11.250						110,4%		110,4%
16	Trường tiểu học Đông hợp	6.170		6.170		6.993		6.993						113,3%		113,3%
17	Trường tiểu học Thị trấn	6.587		6.587		6.810		6.810						103,4%		103,4%
18	Trường THCS Đông Sơn	7.774		7.774		7.998		7.998						102,9%		102,9%

[illegible]

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025
(Kèm theo quyết định số 1503/QĐ - UBND ngày 03/4/2026 của UBND xã Đông Hưng)



Đvt: Triệu đồng

Dự toán			Quyết toán							So sánh (%)				
			Chương trình MTQG xây dựng NTM và giảm nghèo bền vững			Chi đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp		Tổng số	Trong đó			
S	T	Nội dung (1)	Tổng số	Đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Chia ra			Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Chi đầu tư phát triển
				Tổng số	Kinh phí sự nghiệp			Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước				

Đvt: Triệu đồng